TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 30-9- 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm
2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại phòng xét xử Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Tuyết Nh, sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố a, phường N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Bà Vũ Xuân Th, sinh năm 1979
Địa chỉ: tổ dân phố b, phường N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trung M, sinh năm 1963
Địa chỉ: tổ dân phố a, phường N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết Nh trình bày: Do chỗ quen biết nên bà Vũ Xuân Th đã 10 lần vay tiền của bà, mỗi lần vay bà Th là người viết giấy

vay, hẹn 10 ngày sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, mục đích vay là để cho người khác vay lại và chữa bệnh cho mẹ. Cụ thể: Ngày 04/7/2014 (AL) vay: 10.000.0000 đồng; Ngày 13/7/2014 (AL) vay: 15.000.0000 đồng; Ngày 14/7/2014 (AL) vay: 19.000.0000 đồng; Ngày 16/7/2014 (AL) vay: 40.000.0000 đồng; Ngày 20/8/2014 (AL) vay: 20.000.0000 đồng; Ngày 23/8/2014 (AL) vay: 30.000.0000 đồng; Ngày 05/9/2014 (AL) vay: 50.000.0000 đồng; Ngày 05/9/2014 (AL) vay: 30.000.0000 đồng; Ngày 17/9/2014 (AL) vay: 30.000.0000 đồng và một lần 17.000.0000 đồng. Tổng cộng là 261.000.000 đồng.

Do lâu quá không thấy bà Th trả tiền nên bà nhiều lần trực tiếp gặp bà Th yêu cầu trả nợ nhưng mãi đến nay bà Th cũng không trả nợ cho bà. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà, chồng bà là ông Lê Trung M.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Vũ Xuân Th có nghĩa vụ trả 216.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Xũ Xuân Th không có lời trình bày mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trung M trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Nh. Ông yêu cầu bà Vũ Xuân Th có nghĩa vụ trả 216.000.000 đồng tiền nợ gốc cho vợ chồng ông và không yêu cầu trả lãi

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 04 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn là bà Ngô Thị Tuyết Nh khởi kiện yêu cầu bà Vũ Xuân Th ở tổ dân phố b, phường N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Vũ Xuân Th triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn. Giữa bà Ngô Thị Tuyết Nh và bà Vũ Xuân Th nhiều lần xác lập hợp đồng vay tài sản. Cụ thể: Ngày 04/7/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 10.000.0000 đồng; Ngày 13/7/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 15.000.0000 đồng; Ngày 14/7/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 19.000.0000 đồng; Ngày 16/7/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 40.000.0000 đồng; Ngày 20/8/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 20.000.0000 đồng; Ngày 23/8/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 30.000.0000 đồng; Ngày 05/9/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 50.000.0000 đồng; Ngày 05/9/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 30.000.0000 đồng; Ngày 17/9/2014 (AL) bà Th vay bà Nh số tiền 30.000.0000 đồng; Một giấy vay tiền (không ghi ngày tháng): bà Th vay bà Nh số tiền 17.000.0000 đồng.

Khi vay tiền chính bà Th là người viết giấy vay tiền và trong các giấy vay tiền đều có chữ ký của bà Vũ Xuân Th, nội trong các giấy vay tiền đều thể hiện vay không có lãi suất. Trong 10 giấy vay tiền thì có hai khoản vay ngày 05/9/2014 (AL) vay: 50.000.0000 đồng và khoản vay ngày 05/9/2014 (AL) vay: 30.000.0000 đồng có ghi thời hạn vay trong vòng 10 ngày. Còn các khoản vay khác không ghi thời hạn vay. Tuy bị đơn không có bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp thì có căn cứ để xác định giữa bà Nh và bà Th có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đối với hai khoản vay ngày 05/9/2014 (AL) với tổng số tiền 80.000.000 đồng là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Đối với các khoản vay còn lại là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng.

Nguyên đơn trình bày nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà bị đơn để yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và hiện nay không có mặt địa phương. Điều đó, chứng tỏ bị đơn cố tình trốn tránh việc trả nợ.

Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng vay đến nay bị đơn chưa trả số tiền vay gốc 261.000.000 đồng cho nguyên đơn là vi phạm Điều 466 BLDS năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc của các khoản vay trên với tổng số tiền 261.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn bà Ngô Thị Tuyết Nh thừa nhận số tiền mà bà cho bà Th vay là tài sản chung của vợ chồng (chồng là Lê Trung M). Đối với bị đơn bà Vũ Xuân Th không có chồng. Do đó, bà Th có nghĩa vụ trả số tiền vay cho vợ chồng bà Nh, ông M là phù hợp theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Ngô Thị Thuyết Nh, người liên quan ông Lê Trung M không có yêu cầu về lãi suất. Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Vũ Xuân Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 261.000.000 đồng x 5%=13.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Tuyết Nh. Buộc bà Vũ Xuân Th có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Tuyết Nh và ông Lê Trung M số tiền vay gốc là 261.000.0000 đồng. Về lãi suất không yêu cầu nên không xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Vũ Xuân Th phải chịu 13.050.000 đồng (Mười ba triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ngô Thị Tuyết Nh số tiền 652.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0004568 ngày 16 - 7 - 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ

Bà Ngô Thị Tuyết Nh, ông Lê Trung M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Vũ Xuân Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Kha

Nguyễn Minh Kha